

Số: /BGDDT-GDĐH

V/v rà soát, sửa đổi, bổ sung và cập nhật cơ sở dữ liệu về khu vực ưu tiên, thông tin của học sinh phục vụ công tác thi tốt nghiệp THPT, tuyển sinh ĐH, CĐ và tuyển sinh đầu cấp tại các trường dân tộc nội trú năm 2025

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2025

Kính gửi: Các sở giáo dục và đào tạo

Để có thông tin, cơ sở dữ liệu về khu vực ưu tiên, thông tin của học sinh phục vụ công tác thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), tuyển sinh trình độ đại học (ĐH), tuyển sinh trình độ cao đẳng (CĐ) ngành Giáo dục Mầm non (GDMN) và và tuyển sinh đầu cấp tại các trường dân tộc nội trú năm 2025 được đầy đủ, chính xác, đúng quy định; Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) yêu cầu các sở giáo dục và đào tạo thực hiện các công việc sau:

I. Đối với cơ sở dữ liệu về khu vực ưu tiên

1. Đăng nhập vào Hệ thống Quản lý thi, Hệ thống Hồ trợ tuyển sinh chung (sau đây gọi chung là Hệ thống) tại địa chỉ <http://quanly.thitotnghiepthpt.edu.vn> theo tài khoản và mật khẩu đã được cấp năm 2024 để thực hiện:

1.1. Rà soát, sửa đổi, bổ sung và cập nhật các thông tin về: khu vực ưu tiên của trường THPT; tỉnh, huyện; xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn, xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc diện được ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành.

1.2. Cập nhật các điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự thi và xét tuyển.

1.3. Cập nhật các thông tin mới nhất của sở GDĐT: Lãnh đạo Sở GDĐT, Phòng Khảo thí/Phòng Quản lý thi, Phòng Giáo dục chuyên nghiệp; Cán bộ làm công tác tuyển sinh, làm công tác ưu tiên, máy tính.

Nội dung, quy trình rà soát, sửa đổi, bổ sung và cập nhật thực hiện đúng theo Hướng dẫn tại Phụ lục 01, 02.

2. Sau khi thực hiện xong quy trình trên Hệ thống, sở GDĐT xuất báo cáo tổng hợp kết quả rà soát, bao gồm các danh mục: khu vực ưu tiên của trường THPT; khu vực ưu tiên của tỉnh, huyện; các xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn để tiếp tục kiểm tra, rà soát. Sau đó, Lãnh đạo Sở GDĐT ký xác nhận và lưu tại sở GDĐT để phục vụ cho công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung báo cáo trên Hệ thống. Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung và cập nhật cơ sở dữ liệu về khu vực ưu tiên đề nghị Sở GDĐT hoàn thành trên Hệ thống trước ngày 20/04/2025.

3. Công khai các thông tin liên lạc để hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho thí sinh, phụ huynh trong quá trình đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT, đăng ký xét tuyển

trình độ ĐH, trình độ CĐ ngành GDMN tại Cổng thông tin tuyển sinh của sở GDĐT, Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT.

Trong quá trình thực hiện, nếu cần trao đổi về việc xác định khu vực ưu tiên trong tuyển sinh, đề nghị các sở GDĐT liên hệ với Bộ GDĐT qua Vụ Giáo dục Đại học (Chuyên viên chính Phạm Văn Lương, điện thoại: 0868310868; email: pvluong@moet.gov.vn).

II. Đối với thông tin của học sinh trên Hệ thống Cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành

1. Sở GDĐT thực hiện:

1.1. Chỉ đạo các Cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn có học sinh đang học lớp 12 năm học 2024-2025 (sau đây gọi là Cơ sở giáo dục) đăng nhập vào Hệ thống CSDL ngành (tại địa chỉ: <http://csdl.moet.gov.vn>) để thực hiện cập nhật dữ liệu bảo đảm đầy đủ, chính xác và đúng tiến độ theo yêu cầu. Cụ thể:

- Cập nhật đầy đủ thông tin cá nhân của học sinh, bao gồm các thông tin: họ và tên, ngày sinh, giới tính, dân tộc, số chứng minh nhân dân/căn cước công dân (đồng thời là số định danh cá nhân)/Số hộ chiếu (đối với học sinh không có quốc tịch Việt Nam) và nơi thường trú. Hoàn thành trước 17 giờ 00 ngày 25/3/2025.

- Cập nhật điểm tổng kết từng môn học (có tính điểm), điểm tổng kết, xếp loại học lực, hạnh kiểm của từng học kỳ và cả năm của các năm học lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12. Hoàn thành trước 17 giờ 00 ngày 15/4/2025.

- Cập nhật điểm tổng kết từng môn học (có tính điểm), điểm tổng kết, xếp loại học lực, hạnh kiểm của học kỳ 2 và cả năm lớp 12. Hoàn thành trước 17 giờ 00 ngày 31/5/2025.

Sau ngày 31/5/2025, Bộ GDĐT sẽ đồng bộ thông tin của học sinh trên Hệ thống CSDL ngành sang Hệ thống Quản lý thi, Hệ thống Hồ trợ tuyển sinh chung; Sở GDĐT chỉ đạo các cơ sở giáo dục rà soát, cập nhật thông tin kết quả học tập, rèn luyện của học sinh trên Hệ thống theo Hướng dẫn tại Phụ lục 03, đồng thời hướng dẫn và yêu cầu thí sinh đăng nhập Hệ thống để kiểm tra, nếu phát hiện có sai sót thì báo ngay cho cơ sở giáo dục để điều chỉnh. Thời gian hoàn thành theo quy định tại Công văn về việc Hướng dẫn tổ chức Kỳ thi Tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025.

1.2. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục rà soát, hoàn chỉnh thông tin cá nhân (bao gồm: họ và tên, ngày sinh, giới tính, dân tộc, số định danh cá nhân, nơi thường trú) của học sinh từ bậc mầm non tới lớp 11 trên Hệ thống CSDL ngành, đặc biệt là học sinh dân tộc thiểu số đang học lớp 5 và lớp 9 năm học 2024-2025 (phục vụ tuyển sinh đầu cấp tại các trường dân tộc nội trú năm 2025). Hoàn thành trước 17 giờ 00 ngày 25/3/2025.

1.3. Đôn đốc và thực hiện rà soát, kiểm tra dữ liệu cập nhật của các cơ sở giáo dục đảm bảo tính đầy đủ và chính xác, đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác thông tin của học sinh trên Hệ thống CSDL ngành và trên Hệ thống Quản lý thi, Hệ thống Hỗ trợ tuyển sinh chung.

2. Thông tin hỗ trợ trong quá trình triển khai

Tài liệu hướng dẫn thực hiện báo cáo tại Phụ lục 04 kèm theo và được đăng tải trên Hệ thống CSDL ngành tại địa chỉ <http://csdl.moet.gov.vn>.

Hỗ trợ kỹ thuật phần mềm qua email: csdl@moet.edu.vn và Hệ thống hỗ trợ trực tuyến.

Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các sở GDĐT thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung của Công văn này.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT. Nguyễn Văn Phúc (để phối hợp chỉ đạo);
- Vụ GDDH, Cục QLCL, Cục KHCNTT (để thực hiện);
- Lưu: VT, GDDH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Hoàng Minh Sơn

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo Công văn số **M58** /BGDĐT-GDĐH ngày **19** tháng 3 năm 2025)

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN RÀ SOÁT DỮ LIỆU VỀ KHU VỰC UU TIÊN

1. Căn cứ vào Quy chế tuyển sinh trình độ đại học (ĐH); trình độ cao đẳng (CD) ngành Giáo dục Mầm non (GDMN) hiện hành, các sở GDĐT cần nghiên cứu kỹ các văn bản được liệt kê tại Phụ lục 02¹ để sử dụng cho việc rà soát về khu vực ưu tiên.

Trường hợp các sở GDĐT có các văn bản cá biệt khác liên quan đến khu vực ưu tiên cần báo cáo về Bộ GDĐT qua Vụ Giáo dục Đại học (GDĐH) để cập nhật vào Hệ thống Quản lý thi, Hệ thống Hồ trợ tuyển sinh chung (Hệ thống).

2. Quy trình thực hiện như sau:

2.1. Bước 1: Sở GDĐT cử cán bộ có năng lực, kinh nghiệm trong việc rà soát khu vực ưu tiên đăng nhập vào Hệ thống tại địa chỉ <http://quanly.thitotnghiepthpt.edu.vn> theo tài khoản và mật khẩu đã được cấp năm 2023 để thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung các danh mục theo quy định trong các văn bản tại Phụ lục 02. Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung phải tuân thủ theo đúng quy định, hướng dẫn trong Phụ lục 02 và tài liệu hướng dẫn. Các danh mục cần rà soát như sau:

- Danh mục đơn vị đăng ký dự thi;
- Danh mục tỉnh, huyện;
- Danh mục xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn;
- Danh mục trường THPT (quy định khu vực của từng trường).

2.2. Bước 2: Căn cứ vào các văn bản trong Phụ lục 02, các sở GDĐT rà soát, kiểm tra: nếu có sửa đổi, bổ sung hay xóa bỏ thì cập nhập ngay vào Hệ thống. Các bước thực hiện theo tài liệu hướng dẫn đính kèm.

Lưu ý: các sở GDĐT giữ ổn định và KHÔNG ĐƯỢC thay đổi mã xã, mã quận/huyện, thị xã/thành phố, mã trường THPT đã có.

Trên cơ sở rà soát đề xuất của Sở GDĐT, căn cứ vào các văn bản có hiệu lực tại các thời điểm và các minh chứng kèm theo, Vụ GDĐH sẽ kiểm tra, thống nhất các trường hợp có thay đổi.

2.3. Bước 3: Các sở GDĐT vào Hệ thống tải các danh mục: tỉnh, huyện; xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn; trường THPT rà soát, kiểm tra lại, hoàn thành trước ngày 20/04/2025.

¹ Năm 2025, các sở GDĐT khi rà soát đặc biệt lưu ý đến Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 Ủy ban Dân tộc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh tên huyện, xã, thôn đặc biệt khó khăn; thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025.

2.4 Bước 4: Vụ GDĐH tải dữ liệu về khu vực ưu tiên toàn quốc được xuất ra từ Hệ thống; chuyển sang file PDF gửi để các sở GDĐT tiếp tục kiểm tra, rà soát.

2.5. Bước 5: Vụ GDĐH đưa các danh mục về khu vực ưu tiên (file PDF) lên Công thông tin tuyển sinh của Bộ.

3. Trước ngày 25/04/2025, Sở GDĐT vào địa chỉ: <https://tuyensinh.moet.gov.vn> để kiểm tra các danh mục khu vực ưu tiên của sở.

Vụ GDĐH đề nghị các sở GDĐT thường xuyên vào địa chỉ: <https://tuyensinh.moet.gov.vn> để cập nhật các thông tin mới nhất về tuyển sinh: các văn bản về tuyển sinh, đăng ký xét tuyển; thông tin liên lạc của sở để giải đáp thắc mắc của thí sinh;...

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc xin liên hệ với trực tiếp với Vụ Giáo dục Đại học, Bộ GDĐT (Chuyên viên chính Phạm Văn Lương, điện thoại: 0868310868; email: pvluong@moet.gov.vn).

Bộ GDĐT yêu cầu các sở GDĐT thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung trên./

PHỤ LỤC 02

(Kèm theo Công văn số **M58/BGDDT-GDDH** ngày **19** tháng 3 năm 2025)

QUY ĐỊNH KHU VỰC ƯU TIÊN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC; TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM 2025

1. Quy định về Khu vực tuyển sinh:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 7 (theo Phụ lục I) của Quy chế tuyển sinh ĐH; CĐ ngành Giáo dục Mầm non hiện hành, các khu vực tuyển sinh được phân chia như sau:

Khu vực 1 (KV1) gồm: Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) gồm: Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.

- Khu vực 2 (KV2) gồm: Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).

- Khu vực 3 (KV3) gồm: Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

2. Theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành, các xã thuộc khu vực ưu tiên bao gồm: "Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ." (Khoản 1, Điều 7 (theo Phụ lục I của Quy chế)) và "...các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ" (Điểm c, khoản 1, Điều 7).

3. Các văn bản làm căn cứ để xác định khu vực ưu tiên

3.1. Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi được quy định tại:

1. Quyết định 447/QĐ-UBDT ngày 19/9/2013 của Bộ trưởng, chủ nhiệm ủy ban dân tộc, về việc Công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015.

2. Quyết định số 68/QĐ-UBDT ngày 19/3/2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc công nhận bổ sung thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015.

3. Quyết định số 601/QĐ-UBDT ngày 29/10/2015 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

4. Quyết định 73/QĐ-UBDT ngày 29/02/2016 của Bộ trưởng, chủ nhiệm ủy ban dân tộc về việc điều chỉnh khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc miền núi. Quyết định này thay thế nội dung các xã tương ứng trong quyết định 447/QĐ-UBDT.

5. Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.

6. Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung, điều chỉnh và đổi tên danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.

7. Công văn số 389/UBDT-CSDT ngày 30/3/2020 hướng dẫn thực hiện chính sách dân tộc, trong đó có việc quy định các xã, thôn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135; các đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp, sáp nhập, đổi tên.

8. Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II và khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc và thiểu số giai đoạn 2021-2025.

9. Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025.

10. Quyết định số 497/QĐ-UBDT ngày 30/7/2024 Ủy ban Dân tộc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh tên huyện, xã, thôn đặc biệt khó khăn; thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025².

3.2. Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được quy định tại:

1. Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 1/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015.

2. Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 13/04/2015, của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Định.

3. Quyết định số 2311/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Kiên Giang.

² Việc áp dụng các chế độ, chính sách đối với các thôn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung của Quyết định này thực hiện theo quy định Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Quyết định số 2312/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Khánh Hòa.

5. Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 01/2/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Thuận.

6. Quyết định số 810/QĐ-TTg ngày 13/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Trà Vinh.

7. Quyết định số 1900/QĐ-TTg ngày 04/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Sóc Trăng.

8. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

9. Quyết định số 1859/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc thành phố Hải Phòng.

10. Quyết định 596/QĐ-TTg ngày 28/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

11. Quyết định số 1421/QĐ-TTg ngày 25/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung xã Vĩnh Hải, huyện Hải Ninh, tỉnh Ninh Thuận vào sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2018-2020 theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

12. Quyết định số 1464/QĐ-TTg ngày 24/08/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Quảng Nam.

13. Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

3.3. Các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã An toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 được quy định tại:

1. Quyết định 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015.

2. Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 08/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013.

3. Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015.

4. Quyết định số 74/QĐ-UBDT ngày 29/02/2016 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015.

5. Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2016.

6. Quyết định 75/QĐ-UBDT ngày 29/02/2016 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016.

7. Quyết định số 177/QĐ-UBDT ngày 19/04/2016 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt bổ sung danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm.

8. Quyết định 900/QĐ-TTg ngày 20/06/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020.

9. Quyết định số 414/QĐ-UBDT ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 – 2021.

10. Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 về việc công nhận Xã An toàn khu tại tỉnh Ninh Bình.

11. Quyết định 2475/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 về việc công nhận Xã An toàn khu và Vùng An toàn khu ở tỉnh Lạng Sơn.

12. Quyết định 235/QĐ-TTg ngày 27/02/2019 về việc công nhận Xã An toàn khu và Vùng An toàn khu ở tỉnh Sóc Trăng.

13. Quyết định 1614/QĐ-TTg ngày 22/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận Xã An toàn khu tại tỉnh Ninh Thuận.

14- Quyết định 164/QĐ-TTg ngày 07/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Công nhận các xã An toàn khu tại tỉnh Quảng Nam.

15. Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 24/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách hỗ trợ xã ATK, vùng ATK trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

16. Quyết định số 164/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã ATK thuộc tỉnh Kiên Giang.

17. Quyết định số 270/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã ATK thuộc tỉnh Sóc Trăng.

18. Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 13/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã ATK, vùng ATK trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Và các quyết định, văn bản khác liên quan đến khu vực ưu tiên nhưng không trái với quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành. Trong trường hợp này, đề nghị các sở GD&ĐT báo cáo về Vụ GD&DH để xem xét và cập nhật vào Hệ thống.

PHỤ LỤC 03

(Kèm theo Công văn số **M58**/BGDĐT-GDĐH ngày **19** tháng 03 năm 2025)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHÂN HỆ QUẢN LÝ HỌC BẠ THPT TRÊN HỆ THỐNG QUẢN LÝ THI, HỆ THỐNG HỖ TRỢ TUYỂN SINH CHUNG

(Dành cho điểm tiếp nhận hồ sơ và thí sinh)

Mục lục

I. Hướng dẫn dành cho Điểm TNHS	3
1. Sửa thông tin học bạ.....	3
2. Nhập thông tin học bạ từ tập tin	5
3. Tìm kiếm.....	7
4. Xác nhận thông tin học bạ.....	8
5. In danh sách	9
6. Đồng bộ học bạ từ CSDL Ngành.....	10
II. Hướng dẫn dành cho thí sinh.....	11
1. Xem Học bạ THPT	11
2. Báo sai sót.....	12

Tài liệu này được xây dựng nhằm hướng dẫn người dùng là cán bộ tại các **Điểm Tiếp nhận hồ sơ (TNHS)** sử dụng được các chức năng trong Sau đó nhấn Gửi phản ánh của **Hệ thống Quản lý thi, Hệ thống Hỗ trợ tuyển sinh chung** (Hệ thống) và thí sinh sử dụng để xem và gửi sai sót thông tin học bạ.

- Các điểm TNHS sử dụng tài khoản hệ thống và mật khẩu được cấp để thực hiện đăng nhập vào VPN và truy cập vào Hệ thống qua địa chỉ <http://quanly.thitotnghiepthpt.edu.vn>;

- Thí sinh sử dụng tài khoản được cấp để truy cập vào hệ thống qua địa chỉ: <https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn>;

Trong quá trình thực hiện nội dung này, nếu có vướng mắc về kỹ thuật đề nghị liên hệ tổng đài 1800 8000 nhánh số 2.

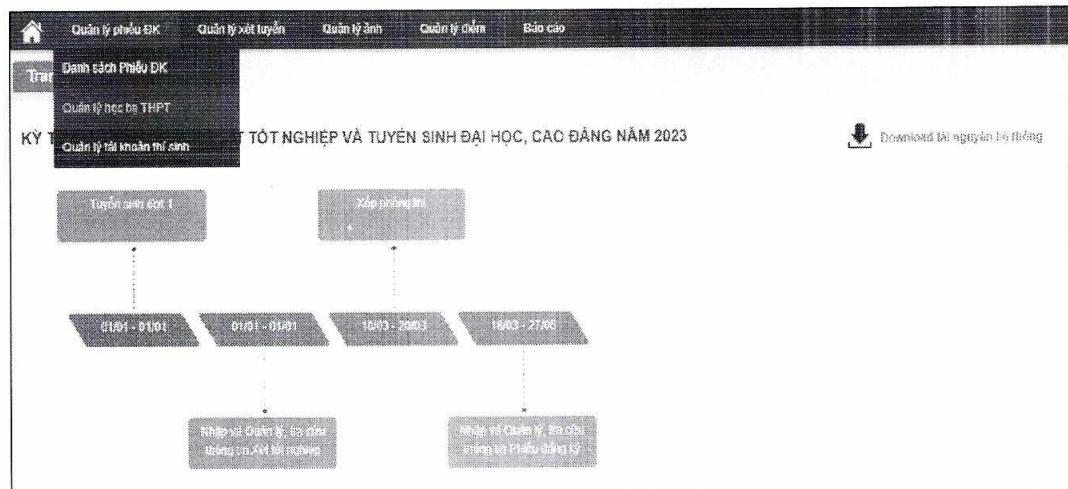
I. Hướng dẫn dành cho Điểm TNHS

Hệ thống tự động lấy dữ liệu học bạ ban đầu (Đồng bộ một lần theo lịch đồng bộ của Bộ GDĐT) từ **Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo** (CSDL Ngành) theo mã **Định danh công dân** của thí sinh;

Trường hợp người dùng cần điều chỉnh lại dữ liệu trên hệ thống hoặc muốn nhập điểm học bạ THPT bằng hình thức thủ công người dùng thực hiện theo hướng dẫn.

1. Sửa thông tin học bạ

Bước 1: Chọn menu: **Quản lý phiếu đăng ký => Quản lý học bạ THPT**



Màn hình hiển thị giao diện quản lý học bạ

SKL

Trang chủ > Quản lý phiếu ĐK > Quản lý học bạ THPT							
Thống tin tìm kiếm							
Số CMND	Họ tên	Mã định danh công dân	Tìm kiếm				
S15 Kết quả							
STT	Họ tên	Số CMND	Giới tính	Mã định danh công dân	Trạng thái	Thao tác	
1	NGUYỄN ABC	MR3600976615	Nam		Đang sử dụng		<input type="checkbox"/>
2	NGUYỄN ĐỨC AN	036009898	Nam		Đang sử dụng		<input type="checkbox"/>
3	VŨ BÚC CÁN	036009811	Nữ		Đang sử dụng		<input type="checkbox"/>
4	VŨ ĐỨC BẢO AN	036009812	Nam		Đang sử dụng		<input type="checkbox"/>
5	VŨ KIỀU AN	MR3600976635	Nữ		Đang sử dụng		<input type="checkbox"/>
6	BÙI TUẤN ANH	036009817	Nam		Đang sử dụng		<input type="checkbox"/>
7	CAO THẾ ANH	036009819	Nam		Đang sử dụng		<input type="checkbox"/>
8	ĐƯƠNG HOÀI ANH	036009824	Nam		Đang sử dụng		<input type="checkbox"/>
9	ĐỖ VĂN ANH	031194910101	Nữ		Đang sử dụng		<input type="checkbox"/>
10	HÙA TRẦN TRÁM ANH	036009849	Nữ		Đang sử dụng		<input type="checkbox"/>

Giao diện Quản lý học bạ

Bước 2: Trên màn hình chức năng quản lý học bạ THPT, nhấn nút “**Sửa**”, màn hình hiển thị giao diện chức năng **Sửa thông tin điểm học bạ**:



Sửa thông tin điểm học bạ

Họ tên:	NGUYỄN ĐỨC AN	Mã định danh công dân:	Ngày sinh:	13/10/2003		
1. Lớp:	Lớp 10	1. Chọn lớp				
2. Điểm tổng kết: Học kỳ I:	8	Học Kỳ II:	8	Cấp năm:	6	
3. Học lực:	Học kỳ I:	Giỏi	Học kỳ II:	Khá	Cấp năm:	Khá
4. Hạnh kiểm:	Học kỳ I:	Tốt	Học kỳ II:	Khá	Cấp năm:	Khá
5. Toán:	Học kỳ I:	5	Học kỳ II:	5	Cấp năm:	7
6. Ngữ văn:	Học kỳ I:	8	Học kỳ II:	6	Cấp năm:	7
7. Vật lí:	Học kỳ I:	8	Học kỳ II:	8	Cấp năm:	8
8. Hóa học:	Học kỳ I:	9	Học kỳ II:	7	Cấp năm:	6
9. Sinh học:	Học kỳ I:	7	Học kỳ II:	7	Cấp năm:	7
10. Lịch sử:	Học kỳ I:	6	Học kỳ II:	7	Cấp năm:	8
11. Địa lí:	Học kỳ I:	6	Học kỳ II:	7	Cấp năm:	8
12. GD&CD:	Học kỳ I:		Học kỳ II:		Cấp năm:	
13. Ngoại ngữ:	Môn ngoại ngữ:	Tiếng Anh				
	Học kỳ I:	5	Học Kỳ II:	6	Cấp năm:	5

2 Nhập/sửa thông tin học bạ

3 Nhận để lưu thông tin

Lưu **Đóng**

Người dùng chọn “Lớp”, thực hiện **nhập/sửa** điểm học bạ các môn và nhấn nút “**Lưu**” để lưu lại thông tin.

2. Nhập thông tin học bạ từ tập tin

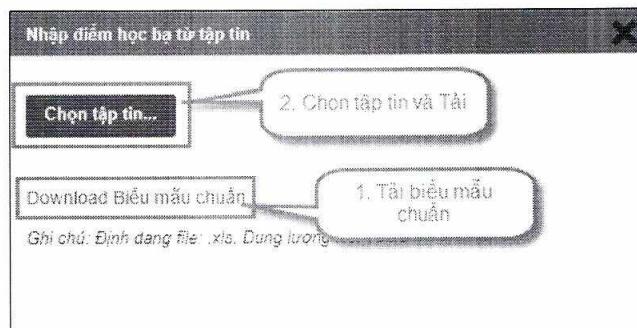
Các thí sinh không có thông tin học bạ trong hệ thống CSDL ngành, người dùng có thể thực hiện nhập điểm cho các thí sinh từ file excel.

Bước 1: Tại màn hình Quản lý phiếu đăng ký => Quản lý học bạ THPT, nhấn nút Nhập điểm học bạ từ tập tin

STT	Họ tên	Số CMND	Giới tính	Mã định danh công dân	Trạng thái	Theo tác	
1	NGUYỄN ABC	913600076615	Nam		Bao sẽ xem		<input type="checkbox"/>
2	NGUYỄN ĐỨC AN	936000006	Nam				<input type="checkbox"/>
3	VŨ ĐỨC AN	936000011	Nữ				<input type="checkbox"/>
4	VŨ ĐỨC BẢO AN	936000012	Nam				<input type="checkbox"/>
5	VŨ KIỀU AN	913600076638	Nữ				<input type="checkbox"/>
6	BÙI TUẤN ANH	936000017	Nam				<input type="checkbox"/>
7	CAO THẾ ANH	936000019	Nam				<input type="checkbox"/>
8	ĐIỀU NGHĨA HÀNH	936000024	Nam				<input type="checkbox"/>
9	ĐÔ VĂN ANH	901104010101	Nữ				<input type="checkbox"/>
10	HUỲNH TRẦN TRÂM ANH	936000048	Nữ				<input type="checkbox"/>

Giao diện Quản lý học bạ THPT

Bước 2: Người dùng Tải file biểu mẫu tại “Download Biểu mẫu chuẩn”



Giao diện chức năng Nhập điểm học bạ từ tập tin

A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	C
STT	Số CMND	Họ và tên	Lớp	Điểm tổng kết HK I	Điểm tổng kết HK II	Điểm tổng kết CN	Học lực HK I	Học lực HK II	Học lực CN	Hạnh kiểm HK I	Hạnh kiểm HK II	Hạnh kiểm CN	Toán HK I	Toán HK II	Toán CN	

File biểu mẫu

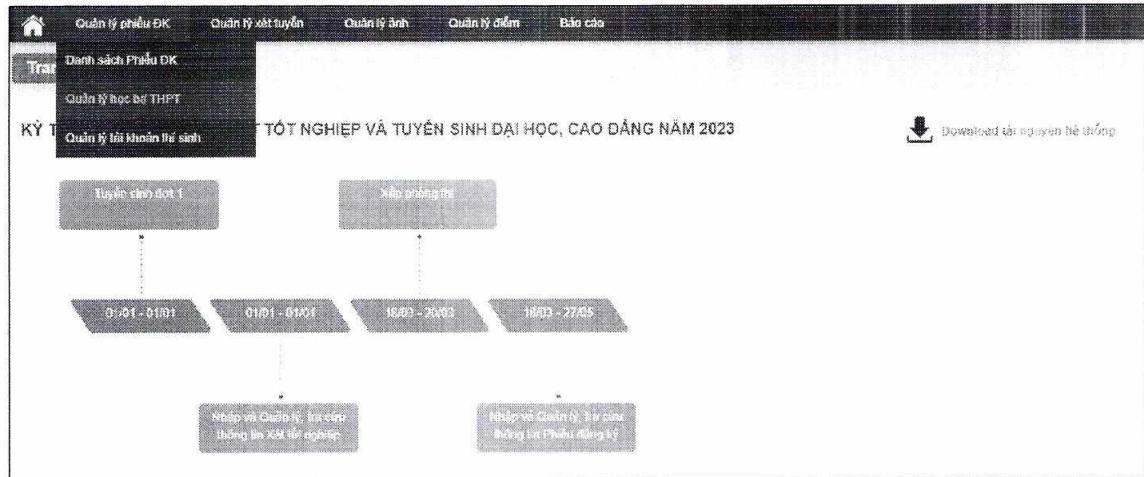
Người dùng tiến hành nhập thông tin trong file Biểu mẫu đã tải về;

Sau khi đã nhập thông tin, người dùng chọn **Chọn tập tin** để tải file đã nhập dữ liệu lên hệ thống và Bấm nút **Tải lên**:

File

3. Tìm kiếm

Bước 1: Đăng nhập hệ thống bằng tài khoản điểm TNHS => Quản lý phiếu đăng ký => Quản lý học bạ THPT



Bước 2: Nhập thông tin cần tìm kiếm

STT	Họ tên	Số CMND	Giới tính	Mã định danh công dân	Trạng thái	Thao tác
1	PHAM HOANG AN	MI2600753877	Nam		Đã xác nhận	
2	PHAM HOANG AN	MI2600753338	Nam			
3	PHAM HOANG AN	MI2600753339	Nam			
4	LÊ MAI ANH	MI2600753827	Nữ			
5	LÊ MAI ANH	MI2600753628	Nam			
6	PHAM HUY PHUC ANH	MI2600753843	Nam			
7	PHAM HUY PHUC ANH	MI2600753871	Nam			
8	PHAM HUY PHUC ANH	MI2600753389	Nam			
9	PHAM HUY PHUC ANH	MI2600753896	Nam			
10	PHAM HUY PHUC ANH	MI2600753884	Nam			

Giao diện chức năng Quản lý học bạ THPT

Lưu ý Dữ liệu nhập vào ô tìm kiếm:

- Số CMND: Cho phép tìm kiếm học bạ theo số CMND của thí sinh (tìm kiếm tuyệt đối);
- Họ và tên: Cho phép tìm kiếm học bạ theo họ tên thí sinh (tìm kiếm tương đối);
- Mã định danh công dân: Cho phép tìm kiếm học bạ theo mã định danh công dân của thí sinh (tìm kiếm tương đối);
- Trạng thái: Cho phép tìm kiếm học bạ theo trạng thái xác nhận học bạ (Trạng thái tìm kiếm mặc định là **[Tất cả]**, các Trạng thái bao gồm **Báo sai sót**, **Đã xác nhận**, **Chưa xác nhận**)
- Nhập học bạ: Cho phép tìm kiếm theo trạng thái nhập học bạ (Trạng thái tìm kiếm mặc định là **[Tất cả]**, các Trạng thái bao gồm **Đã nhập học bạ**, **Chưa nhập học bạ**)

Bước 3: Nhấn Tìm kiếm.

Hệ thống sẽ đưa ra kết quả tìm kiếm theo các dữ liệu được nhập.

4. Xác nhận thông tin học bạ

Sau khi kiểm tra, chỉnh sửa các thông tin về học bạ cho thí sinh, Điểm TNHS thực hiện xác nhận thông tin học bạ.

Bước 1: Truy cập menu **Quản lý phiếu đăng ký => Quản lý học bạ THPT**.

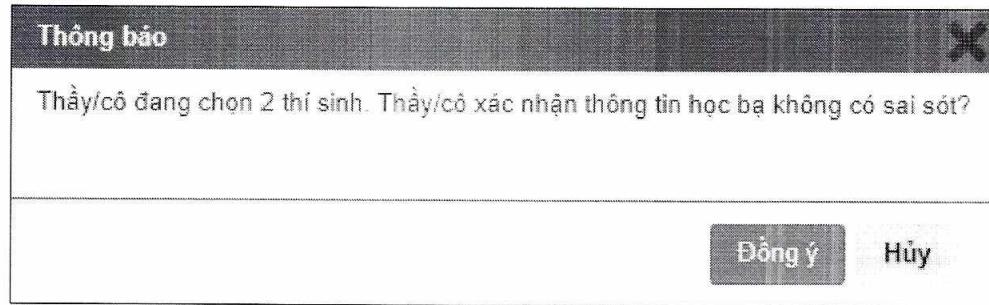
Điểm TNHS tích chọn các thí sinh cần xác nhận và nhấn nút **Xác nhận học bạ**

The screenshot shows a search results table titled 'Kết quả' (Results) with 304 entries. The columns are: STT (Index), Họ tên (Name), Số CMND (ID Number), Giới tính (Gender), Mã định danh công dân (Citizen ID). The table lists multiple entries for 'NGUYỄN VĂN A' with various ID numbers. To the right of the table is a toolbar with icons for 'Nhập', 'Lập file', 'In danh sách', 'Trang trước', 'Trang sau', and 'Thao tác'. A callout bubble points to the 'Thao tác' button with the instruction '1. Tích chọn các thí sinh cần xác nhận' (Checkmark the students to be confirmed). Another callout bubble points to the 'Xác nhận học bạ' button with the instruction '2. Nhấn nút Xác nhận học bạ' (Press the Confirm grade button).

STT	Họ tên	Số CMND	Giới tính	Mã định danh công dân
31	NGUYỄN VĂN A	123542669	Nam	
32	NGUYỄN VĂN A	012554878512	Nam	
33	NGUYỄN VĂN A	M10700977883	Nam	
34	NGUYỄN VĂN A	M10700078103	Nam	
35	NGUYỄN VĂN A	000000078	Nam	
36	NGUYỄN VĂN A	M10700077931	Nữ	
37	NGUYỄN VĂN A	012554878796	Nam	
38	NGUYỄN VĂN A	M10700077930	Nam	
39	NGUYỄN VĂN A	M10700078149	Nam	
40	NHẬP TRUNG	000000099	Nam	

Hiển thị: 10

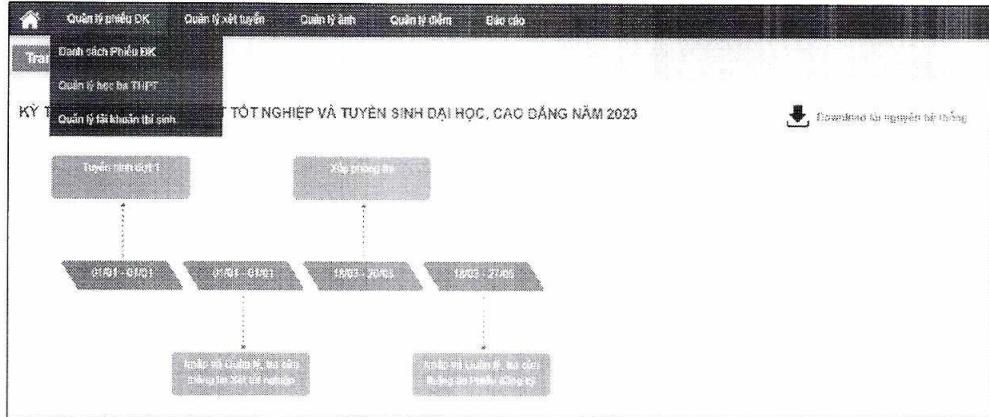
Bước 2: Nhấn nút **Đồng ý** để hoàn tất việc xác nhận thông tin.



Thông báo xác nhận thông tin học bạ

5. In danh sách

Bước 1: Truy cập menu: Quản lý phiếu đăng ký => Quản lý học bạ THPT



Bước 2: Nhấn vào nút **In danh sách** để tải về tệp thông tin học bạ

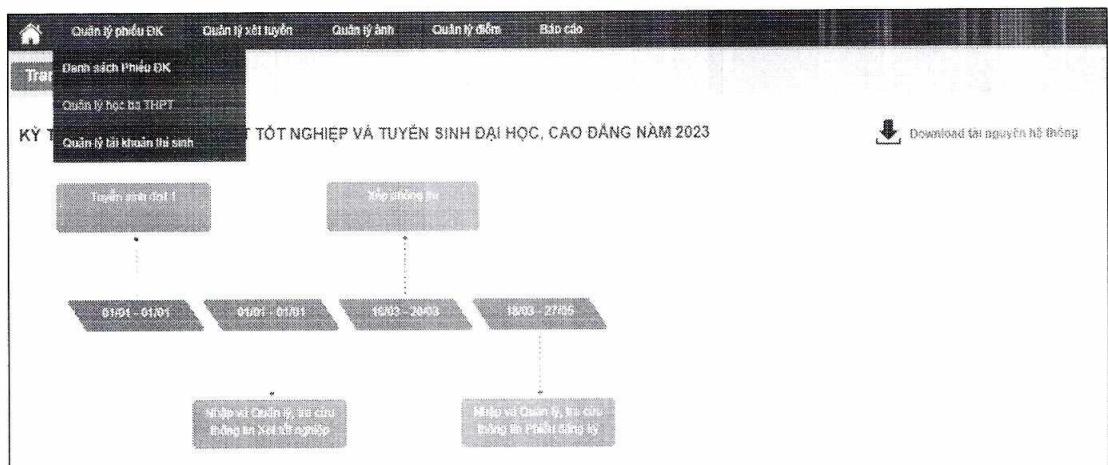
STT	Họ tên	Số CMND	Giới tính	Mã định danh công dân	Trạng thái	Theo tác	
1	PHAM HOANG AN	MR26097510277	Nam		Đã xác nhận		
2	PHAM HOANG AN	MR2609753330	Nam				
3	PHAM HOANG AN	MR2609753339	Nam				
4	LE MINH ANH	MR2609753627	Nữ				
5	LE MAI ANH	MR2609753620	Nữ				
6	PHAM HUY PHUC ANH	MR2609753643	Nam				
7	PHAM HUY PHUC ANH	MR2609753671	Nam				
8	PHAM HUY PHUC ANH	MR2609753339	Nam				
9	PHAM HUY PHUC ANH	MR2609750036	Nam				
10	PHAM HUY PHUC ANH	MR2609753684	Nam				

jm

6. Đồng bộ học bạ từ CSDL Ngành

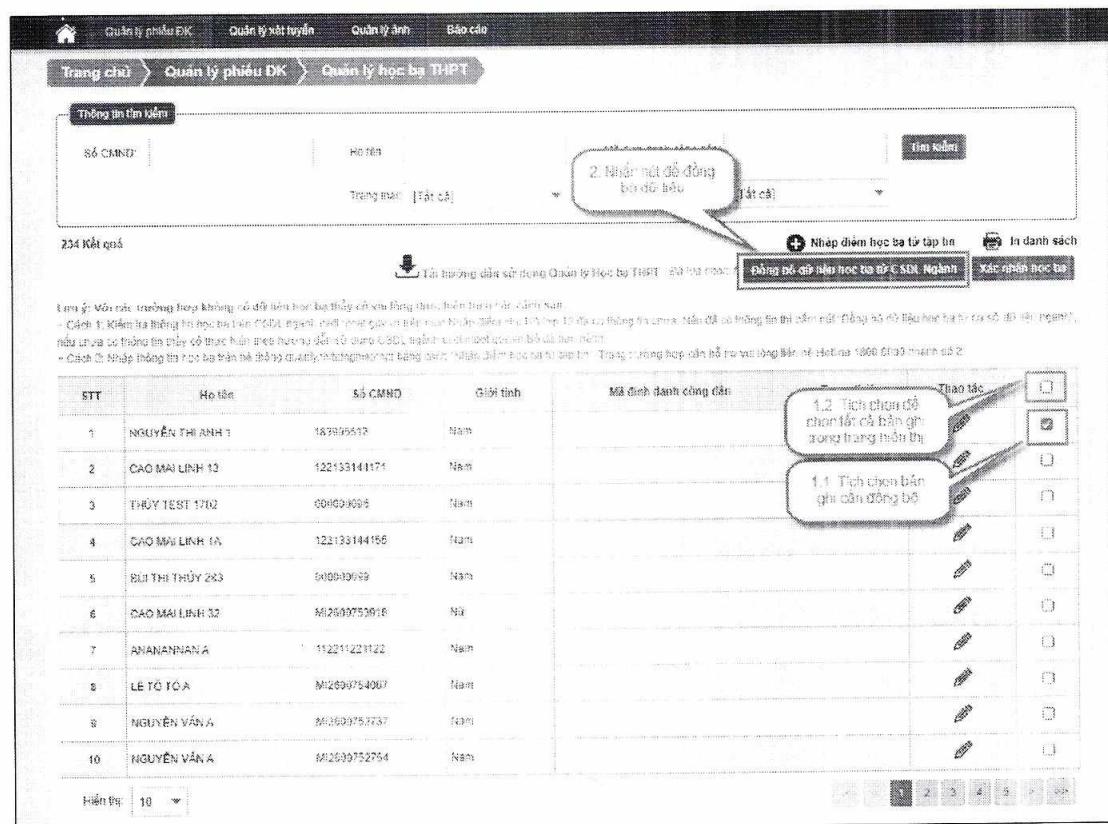
Người dùng có thể sử dụng chức năng này trong trường hợp người dùng muốn đồng bộ đơn lẻ dữ liệu từng thí sinh từ CSDL Ngành.

Bước 1: Đăng nhập thành công vào tài khoản Điểm TNHS => Quản lý phiếu => Quản lý học bạ THPT

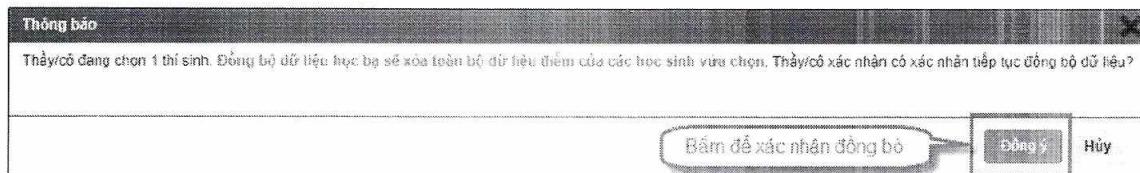


Bước 2: Tích chọn vào bản ghi cần cần đồng bộ. Hệ thống cho phép người dùng có thể chọn 1 bản ghi, nhiều bản ghi hoặc chọn tất cả bản ghi trên trang hiển thị.

Nhấn nút **Đồng bộ dữ liệu học bạ từ CSDL Ngành**



Bước 3: Hệ thống hiển thị cửa sổ xác nhận. Bấm **Đồng ý** để xác nhận đồng bộ dữ liệu
*Lưu ý khi nhấn “Đồng ý” dữ liệu học bạ cũ của học sinh học bạ trên hệ thống
 (nếu có) sẽ bị xóa và dữ liệu học bạ của học sinh được đồng bộ từ Cơ sở dữ liệu
 ngành Giáo dục và Đào tạo (csdl.moet.gov.vn).*

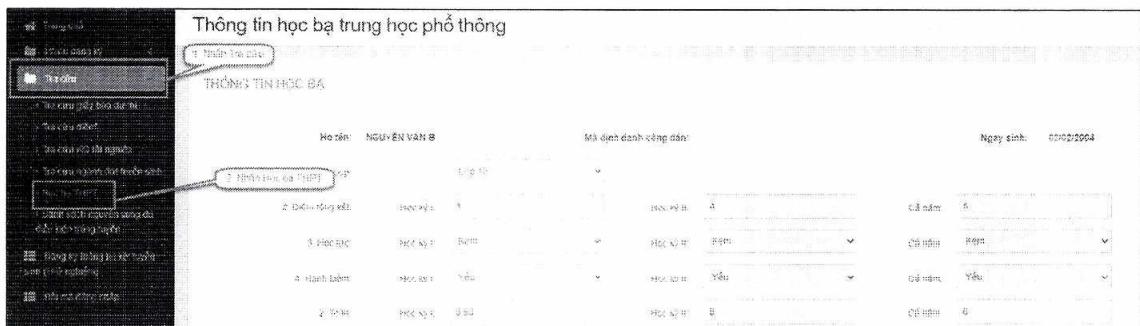


Thông báo đồng bộ dữ liệu

II. Hướng dẫn dành cho thí sinh

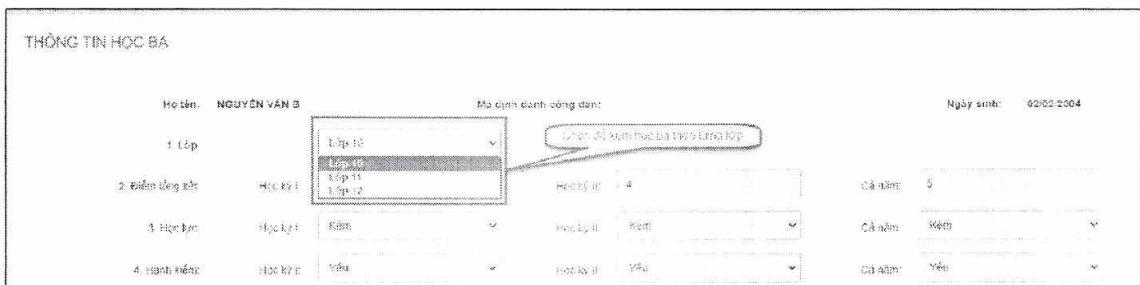
1. Xem Học bạ THPT

Bước 1: Thí sinh đăng nhập vào hệ thống => Nhấn **Tra cứu** => Nhấn **Học bạ THPT**



Bước 2: Thí sinh thực hiện xem điểm học bạ

Tại mục **Lớp** chọn lớp cần xem điểm học bạ.



Giao diện xem điểm học bạ

2. Báo sai sót.

(Dành cho thí sinh phát hiện sai sót về điểm họcば)

Bước 1: Tại giao diện Họcば THPT nhấn Báo sai sót

Số thứ tự	Học kỳ I	Đ	Học kỳ II	Đ	Cả năm	Đ
1. Họcば	Học kỳ I	Kém	Học kỳ II	Kém	Cả năm	Kém
2. Hạnh kiểm	Học kỳ I	Màu	Học kỳ II	Vàng	Cả năm	Vàng
3. Toán	Học kỳ I	9.00	Học kỳ II	8	Cả năm	8
4. Ngữ văn	Học kỳ I	8	Học kỳ II	8	Cả năm	8
5. Vật lý	Học kỳ I	9.00	Học kỳ II	8	Cả năm	8
6. Hóa học	Học kỳ I	7	Học kỳ II	6	Cả năm	6
7. Sinh học	Học kỳ I	8	Học kỳ II	8	Cả năm	8
8. Địa lý	Học kỳ I	7	Học kỳ II	8	Cả năm	7
9. Ngoại ngữ	Học kỳ I	Tổng Anh	Học kỳ II	8	Cả năm	8
10. Giáo dục công dân	Học kỳ I	7	Học kỳ II	8	Cả năm	7
11. Ông bà	Học kỳ I	8	Học kỳ II	8	Cả năm	8
12. Giáo dục công dân	Học kỳ I	7	Học kỳ II	8	Cả năm	7
13. Ngoại ngữ	Học kỳ I	Tổng Anh	Học kỳ II	8	Cả năm	8
	Học kỳ I	8	Học kỳ II	8	Cả năm	8

Nhấn để báo sai sót

BÁO SAI SỐT

Thí sinh chọn báo sai sót tại giao diện Họcば THPT

(Lưu ý: Nút báo sai sót được dùng để báo sai sót cho tất cả năm học. Thí sinh phát hiện sai sót ở tất cả các năm học có thể thực hiện báo sai sót cùng trong một lần)

Bước 2: Sau khi nhấn **Báo sai sót** hệ thống sẽ hiển thị màn hình để thí sinh nhập thông tin sai sót. Thí sinh nhập thông tin sai sót trong màn hình hiện lên.

Ví dụ: “Sai thông tin Học lực học kì 1; Sai thông tin điểm môn Toán học kì 1 lớp 12, môn Văn cuối năm lớp 11”.

- Sau khi nhập thông tin => nhấn **Gửi phản ánh**

Báo sai sót

Thí sinh nhập thông tin sai sót về điểm họcば vào mục dưới đây:

VD: Sai thông tin điểm môn Toán học kì 1 lớp 12, môn Văn cuối năm lớp 11

Gửi phản ánh

1. Nhập thông tin sai sót về điểm học

2. Gửi phản ánh

Giao diện nhập thông tin **Báo sai sót**

✓

PHỤ LỤC 04

(Kèm theo Công văn số **M58**/BGDĐT-GDĐH ngày **19/3**/2025)

HƯỚNG DẪN CẬP NHẬT, BỒ SUNG THÔNG TIN CÁ NHÂN VÀ KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN CHO HỌC SINH TRÊN HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU NGÀNH

(Dành cho các cơ sở giáo dục)

MỤC LỤC

I. Mục đích, yêu cầu chung.....	1
1.1. Mục đích.....	1
1.2. Yêu cầu.....	1
II. Hướng dẫn nhà trường	2
2.1. Hướng dẫn cập nhật thông tin cá nhân của học sinh	2
2.2. Hướng dẫn cập nhật thông tin kết quả học tập, rèn luyện của học sinh	4
2.3. Xét hoàn thành kết quả học tập, rèn luyện lớp 12	9
2.4. Thống kê tiến độ nhập thông tin cá nhân và kết quả học tập, rèn luyện lớp 12	9
III. Thông tin hỗ trợ kỹ thuật.....	11

HƯỚNG DẪN NHẬP KẾT QUẢ HỌC TẬP TOÀN KHÓA LỚP 12

I. Mục đích, yêu cầu chung

1.1. Mục đích

Hướng dẫn trường THPT và GDTX (bao gồm các Trung tâm GDNN-GDTX) cập nhật kết quả học tập toàn khóa của học sinh đang học lớp 12 năm học 2024-2025 trên hệ thống phần mềm Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và đào tạo phục vụ tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (TN THPT) và xét tuyển đại học, cao đẳng năm 2025.

Các đơn vị dùng tài khoản quản trị đã được cấp (do Sở GD&ĐT cấp theo thẩm quyền quản lý) để đăng nhập, tạo tài khoản và phân quyền cho người thực hiện báo cáo nội dung này. Trong trường hợp quên tài khoản, đề nghị liên hệ với cán bộ phụ trách CSDL của Sở GD&ĐT (nơi cấp tài khoản) để được hỗ trợ.

1.2. Yêu cầu

Trước khi thực hiện trên phần mềm, các đơn vị trường rà soát, chuẩn bị đầy đủ, chính xác các thông tin sau đây của học sinh lớp 12 năm học 2024-2025.

(1) Thông tin cá nhân của học sinh:

+ Họ và tên, ngày sinh, giới tính, dân tộc.

+ Số chứng minh nhân dân (CMND)/căn cước công dân (CCCD, đồng thời là số định danh cá nhân – ĐDCN). Trong trường hợp học sinh chưa có thẻ CMND/CCCD, cơ sở giáo dục cần hướng dẫn phụ huynh học sinh xin thông tin số định danh cá nhân tại đơn vị công an nơi thường trú để cập nhật vào mục CMND/CCCD trong hồ sơ học sinh trên CSDL ngành. Đồng thời hướng dẫn, nhắc nhở học sinh khẩn trương đến đơn vị công an có thẩm quyền để xin cấp thẻ CCCD. Đối với thí sinh không có quốc tịch Việt Nam thì sử dụng số hộ chiếu của thí sinh để thay thế (nhập vào mục **Số hộ chiếu**).

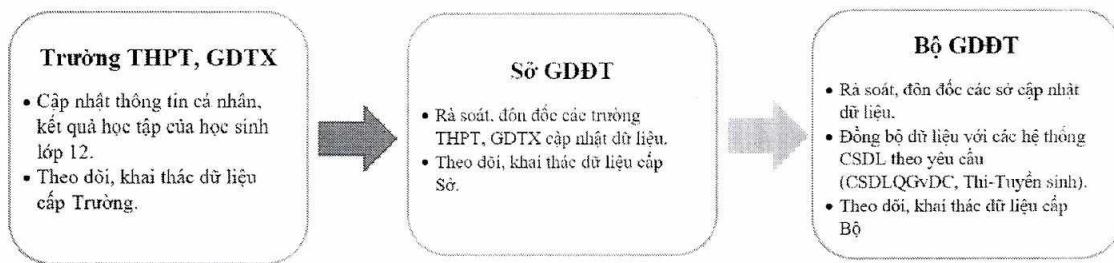
+ Nơi thường trú: yêu cầu cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin tỉnh/thành phố, quận/huyện, phường/xã/thị trấn nơi học sinh thường trú.

(2) Thông tin kết quả học tập, rèn luyện của học sinh:

+ Điểm tổng kết từng môn học (có tính điểm) của từng học kỳ và cả năm của các năm học lớp 10, 11, 12.

+ Kết quả học tập, kết quả rèn luyện của từng học kỳ và cả năm của các năm học lớp 10, 11, 12.

- Quy trình nhập liệu, báo cáo các cấp:



II. Hướng dẫn nhà trường

- **Bậc học THPT:** Thực hiện tại menu chức năng [Quản lý giáo dục THPT]/4.3

Kết quả học tập rèn luyện/4.3.5 Nhập kết quả học tập cho học sinh lớp 12

- **Bậc GDNN-GDTX:** Thực hiện tại menu chức năng [Quản lý giáo dục GDTX]/

4.3 Kết quả học tập rèn luyện/4.3.4 Nhập kết quả học tập cho học sinh lớp 12.

Hướng dẫn này được thực hiện tại cấp THPT, đối với cấp GDTX nhà trường thực hiện tương tự.

2.1. Hướng dẫn cập nhật thông tin cá nhân của học sinh

Mô tả: Chức năng này giúp nhà trường cập nhật thông tin cá nhân của từng học sinh.

Hệ thống hỗ trợ 2 cách cập nhật: Cập nhật trực tiếp hoặc Cập nhật từ file Excel.

(i) Cập nhật trực tiếp

Bước 1: Tại phần mềm [Quản lý giáo dục THPT], chọn mục **4. Học sinh/4.1. Hồ sơ học sinh /4.1.1. Quản lý hồ sơ học sinh.**

Bước 2: Giao diện hiển thị danh sách học sinh theo từng Khối, Lớp, nhà trường nhấn biểu tượng tại cột **Sửa** để tiến hành cập nhật Hồ sơ.

The screenshot shows a table of student records with the following columns: Khối (Grade), Họ tên (Name), Giới tính (Gender), Ngày sinh (Date of Birth), Quốc tịch (Nationality), Độ tuổi (Age), Tình trạng (Status), Trạng thái (Status), Điểm số (Score), and Số học kỳ trước cuối (Previous semester number). The table contains 6 rows of student data.

Khối	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	Độ tuổi	Tình trạng	Trạng thái	ĐIỂM	Số học kỳ trước cuối
1	Nguyễn Văn A	Nam	01/01/2000	Vietnam	18	Đang học	Đang học	85	1
2	Nguyễn Văn B	Nam	01/01/2000	Vietnam	18	Đang học	Đang học	85	1
3	Nguyễn Văn C	Nam	01/01/2000	Vietnam	18	Đang học	Đang học	85	1
4	Nguyễn Văn D	Nam	01/01/2000	Vietnam	18	Đang học	Đang học	85	1
5	Nguyễn Văn E	Nam	01/01/2000	Vietnam	18	Đang học	Đang học	85	1
6	Nguyễn Văn F	Nam	01/01/2000	Vietnam	18	Đang học	Đang học	85	1

Bước 3: Tại giao diện hồ sơ học sinh cập nhật các thông tin:

- + Họ và tên, ngày sinh, giới tính, dân tộc.
- + Số chứng minh nhân dân (CMND)/căn cước công dân (CCCD, đồng thời là số định danh cá nhân – ĐDCN). Đối với thí sinh không có quốc tịch Việt Nam, nhập số hộ chiếu của thí sinh vào mục **Số Hộ chiếu**.
- + Nơi thường trú: yêu cầu cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin tỉnh/thành phố, quận/huyện, phường/xã/thị trấn nơi học sinh thường trú.

Sau khi đã cập nhật đầy đủ thông tin nhấn nút **Ghi** để lưu thông tin. Khi hiển thị

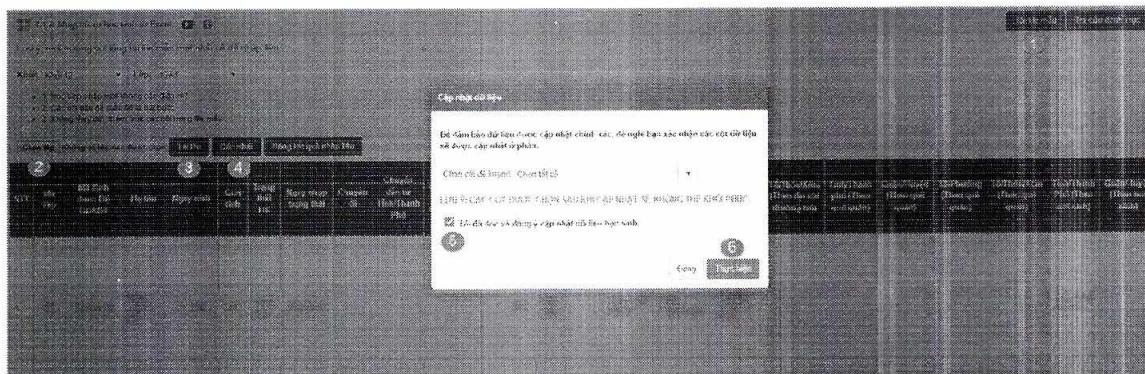
tại góc dưới bên phải nghĩa là thông tin đã được lưu lại thành công.

(ii) Cập nhật từ file Excel

Bước 1: Tại phần mềm [Quản lý giáo dục THPT], chọn mục **4. Học sinh/4.1. Hồ sơ học sinh/4.1.2. Nhập hồ sơ học sinh từ excel**.

Tại màn hình Nhập hồ sơ học sinh từ excel, Kích nút **[Tải file mẫu]**, hệ thống tải về file danh sách học sinh với đầy đủ dữ liệu đã có trên hệ thống, nhà trường bổ sung, cập nhật các thông tin cần nhập theo yêu cầu và lưu file.

Bước 2: Quay trở lại phần mềm, thực hiện [**Chọn tệp**], chọn file Excel mẫu đã nhập sau đó kích [**Tải lên**].



Bước 3: Kích nút [**Cập nhật**], màn hình hiện thông báo “**Để đảm bảo dữ liệu được cập nhật chính xác, đề nghị bạn xác nhận các cột dữ liệu sẽ được cập nhật ở phần**”, kích chọn cột để import sau đó tích chọn [**Tôi đã đọc và đồng ý cập nhật dữ liệu học sinh**] và nhấn nút [**Thực hiện**] để lưu lại. Nếu thông báo hiển thị màu đỏ với nội dung: ‘**Lỗi**’, nhà trường kích nút [**Bảng kết quả nhập liệu**] để xem chi tiết các lỗi nhập liệu và cập nhật lại theo hướng dẫn trong file và tải lại file dữ liệu.

Lưu ý (*): Sau khi cập nhật thông tin cá nhân, nhà trường gửi yêu cầu xác thực, định danh với CSDLQGvDC trên Hệ thống CSDL ngành (menu chức năng **4.1.7. Xác thực, đồng bộ số định danh cá nhân học sinh với CSDLQG về Dân cư**). Hệ thống sẽ kết nối, xác thực, định danh hồ sơ của học sinh với CSDLQGvDC.

2.2. Hướng dẫn cập nhật thông tin kết quả học tập, rèn luyện của học sinh

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ nhà trường rà soát và cập nhật thông tin kết quả học tập, rèn luyện các năm học lớp 10, 11, 12 của học sinh đang học lớp 12 bao gồm: điểm tổng kết từng môn (có tính điểm), điểm trung bình năm, kết quả học tập, kết quả rèn luyện của từng học kỳ và cả năm.

Chức năng này được thao tác tại năm học 2024-2025

Cách thức thực hiện như sau:

Tại phần mềm [**Quản lý giáo dục THPT**], kích chọn **4. Học sinh/ 4.3 Nhập kết quả học tập rèn luyện/ 4.3.5 Nhập kết quả học tập cho học sinh lớp 12**.

- Đối với những học sinh đã được nhập kết quả học tập các năm học lớp 10, 11, 12: nhà trường kích nút [Lấy KQHT lớp] hoặc [Lấy KQHT toàn khóa] để lấy dữ liệu.

- Đối với học sinh chưa nhập kết quả học tập, hệ thống hỗ trợ 2 cách cập nhật: Cập nhật trực tiếp hoặc Cập nhật từ file Excel.

Cách 1: Nhập trực tiếp tại giao diện phần mềm

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại phần mềm [Quản lý giáo dục THPT], kích chọn 4. Học sinh/ 4.3 Nhập kết quả học tập rèn luyện/ 4.3.5 Nhập kết quả học tập cho học sinh lớp 12.

Bước 2: Kích chọn lớp và kích nút [Cập nhật] trước tên học sinh cần nhập dữ liệu.

Bước 3: Nhập kết quả học tập, rèn luyện các năm học lớp 10, 11, 12 của học sinh.

Bước 4: Kích nút [Cập nhật] để lưu lại dữ liệu.

Cách 2: Cập nhật từ file excel mẫu

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại phần mềm [Quản lý giáo dục THPT], kích chọn 4. Học sinh/ 4.3 Nhập kết quả học tập rèn luyện/ 4.3.5 Nhập kết quả học tập cho học sinh lớp 12.

Bước 2: Kích nút [Nhập điểm từ excel], kích chọn lớp cần nhập dữ liệu để tải file mẫu có dữ liệu về máy.

The screenshot shows the 'Import student marks' interface. At the top, there's a message: 'Nhập kết quả học tập rèn luyện/ 4.3.5 Nhập kết quả học tập cho học sinh lớp 12.' Below this is a table with columns: STT, Họ tên, Số định danh cá nhân, Trắc, Ngữ văn, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Ngoại ngữ, Tin học, Giúp đỡ học sinh và phục hồi, Tổng điểm thi, Công nhận, and Tỉnh. A large red box highlights the 'Import from Excel' button. Below the table, there's a note: 'Chọn file: Không có file nào được chọn' and a 'Select file' button.

Bước 3: Cập nhật kết quả học tập toàn khóa của học sinh vào file excel.

The screenshot shows an Excel spreadsheet titled 'BẢNG KẾT QUẢ HỌC TẬP LỚP 12 NĂM HỌC'. The table has columns: STT, Lớp, Mã định danh, Họ tên, Ngày sinh, Giới tính, Số định danh cá nhân, Trắc, Ngữ văn, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Ngoại ngữ, Tin học, Giúp đỡ học sinh và phục hồi, and Tỉnh. A red box highlights the 'Update' button in the ribbon.

Bước 4: Quay trở lại phần mềm, kích [Chọn tệp], chọn đến file excel vừa nhập và kích nút [Tải lên].

DỰ ĐOÁN KẾT QUẢ HỌC SINH LỚP 12																																																																														
Đã nộp bài																																																																														
Lưu ý:																																																																														
1. Không được đổi, thêm, xóa các câu trả lời của bạn.																																																																														
2. Ghi chú: Nếu không nhận được xác nhận học sinh và chưa nộp bài học lớp 12, bạn có thể tự nộp bài tại đây.																																																																														
Lớp: 12A1																																																																														
Kết quả học tập năm lớp 11																																																																														
Chú ý: Không có tệp nào được chọn																																																																														
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Số</th> <th>Tên học</th> <th>Mã tên</th> <th>Số điện thoại</th> <th>Giá trị</th> <th>Sinh</th> <th>Hán</th> <th>Thi</th> <th>Lý</th> <th>Thi</th> <th>Ng</th> <th>Ngoại ngữ</th> <th>Tin học</th> <th>Giáo dục kinh tế và kỹ năng</th> <th>Tổng điểm</th> <th>Điểm tín</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>12A1</td> <td></td> <td></td> <td>83 82 82 74 30 70 78 74 75 87 87 86 88 85 82 84 86</td> <td>84</td> <td>75</td> <td>72</td> <td>81</td> <td>86</td> <td>89</td> <td>85 89 82 84 87 88 83 86 87 88 85 84 86</td> <td>84</td> <td>81 86 72 81 86</td> <td>83 84 82 85 81 86</td> <td>83</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>12A1</td> <td></td> <td></td> <td>88 89 89 82 76 78 82 92 89 83 84 87 84 82 91 91 91</td> <td>84</td> <td>86</td> <td>84</td> <td>88</td> <td>90 92</td> <td>93</td> <td>88 89 82 84 87 88 83 86 87 88 85 84 86</td> <td>84</td> <td>81 86 84 88 90 92</td> <td>83 84 82 85 81 86</td> <td>83</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>12A1</td> <td></td> <td></td> <td>93 91 92 92 84 83 87 92 90 91 89 88 87 88 85 87 86 88</td> <td>93</td> <td>91</td> <td>92</td> <td>92</td> <td>90 91 92 93 90 91 89 88 87 88 85 87 86 88</td> <td>93</td> <td>81 86 84 88 90 92</td> <td>93 84 82 85 81 86</td> <td>93</td> </tr> </tbody> </table>																	Số	Tên học	Mã tên	Số điện thoại	Giá trị	Sinh	Hán	Thi	Lý	Thi	Ng	Ngoại ngữ	Tin học	Giáo dục kinh tế và kỹ năng	Tổng điểm	Điểm tín	1	12A1			83 82 82 74 30 70 78 74 75 87 87 86 88 85 82 84 86	84	75	72	81	86	89	85 89 82 84 87 88 83 86 87 88 85 84 86	84	81 86 72 81 86	83 84 82 85 81 86	83	2	12A1			88 89 89 82 76 78 82 92 89 83 84 87 84 82 91 91 91	84	86	84	88	90 92	93	88 89 82 84 87 88 83 86 87 88 85 84 86	84	81 86 84 88 90 92	83 84 82 85 81 86	83	3	12A1			93 91 92 92 84 83 87 92 90 91 89 88 87 88 85 87 86 88	93	91	92	92	90 91 92 93 90 91 89 88 87 88 85 87 86 88	93	81 86 84 88 90 92	93 84 82 85 81 86	93
Số	Tên học	Mã tên	Số điện thoại	Giá trị	Sinh	Hán	Thi	Lý	Thi	Ng	Ngoại ngữ	Tin học	Giáo dục kinh tế và kỹ năng	Tổng điểm	Điểm tín																																																															
1	12A1			83 82 82 74 30 70 78 74 75 87 87 86 88 85 82 84 86	84	75	72	81	86	89	85 89 82 84 87 88 83 86 87 88 85 84 86	84	81 86 72 81 86	83 84 82 85 81 86	83																																																															
2	12A1			88 89 89 82 76 78 82 92 89 83 84 87 84 82 91 91 91	84	86	84	88	90 92	93	88 89 82 84 87 88 83 86 87 88 85 84 86	84	81 86 84 88 90 92	83 84 82 85 81 86	83																																																															
3	12A1			93 91 92 92 84 83 87 92 90 91 89 88 87 88 85 87 86 88	93	91	92	92	90 91 92 93 90 91 89 88 87 88 85 87 86 88	93	81 86 84 88 90 92	93 84 82 85 81 86	93																																																																	

Bước 5: Kích nút **[Cập nhật]**, hệ thống thông báo: “**Bạn có chắc chắn muốn cập nhật dữ liệu?**”. Kích **[Ok]** để đồng ý và chờ hệ thống phản hồi thông tin dữ liệu được tải lên.

Nếu thông báo hiển thị màu xanh với nội dung: **Đã cập nhật thành công**, nhà trường mở lại mục **Nhập kết quả học tập cho học sinh lớp 12** để kiểm tra dữ liệu sau khi tải.

Nếu thông báo hiển thị màu đỏ với nội dung: **Lỗi**, Nhà trường kích nút **[Bảng kết quả nhập liệu]** để xem nội dung nhập lỗi.

Lưu ý:

- Đối với cột Môn ngoại ngữ: Hệ thống sẽ mặc định lấy tên môn theo chương trình học ngoại ngữ mà nhà trường đã cấu hình tại mục **2. Lớp học/ 2.1. Hồ sơ lớp học** theo từng năm học.

B1. Hồ sơ lớp học																																																		
Hướng dẫn/Ghi chú:																																																		
Chọn nâng cao để xem chi tiết học sinh theo các trang bài: Chuyển đổi (B1, Kỹ N, Trung học), Thời học kỳ I, Kỳ II, Trung học (B1, Kỹ N, Trung học).																																																		
Khối: Khối 12																																																		
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Số</th> <th>Tên</th> <th>Mã lớp</th> <th>Tên lớp</th> <th>Khoa</th> <th>Thứ tự</th> <th>Học ngoại ngữ 1</th> <th>Học ngoại ngữ 2</th> <th>Ng chuyên</th> <th>Phát âm</th> <th>Lý chuyên</th> <th>Học sinh hỗ trợ</th> <th>Lý giải</th> <th>Ghi chú</th> <th>Số báo danh trong năm</th> <th>Lý tính</th> <th>Đánh giá</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>12A1</td> <td>12A1</td> <td>Khối 12</td> <td>19</td> <td>Tiếng Anh</td> <td></td> </tr> </tbody> </table>																	Số	Tên	Mã lớp	Tên lớp	Khoa	Thứ tự	Học ngoại ngữ 1	Học ngoại ngữ 2	Ng chuyên	Phát âm	Lý chuyên	Học sinh hỗ trợ	Lý giải	Ghi chú	Số báo danh trong năm	Lý tính	Đánh giá	1	12A1	12A1	Khối 12	19	Tiếng Anh											
Số	Tên	Mã lớp	Tên lớp	Khoa	Thứ tự	Học ngoại ngữ 1	Học ngoại ngữ 2	Ng chuyên	Phát âm	Lý chuyên	Học sinh hỗ trợ	Lý giải	Ghi chú	Số báo danh trong năm	Lý tính	Đánh giá																																		
1	12A1	12A1	Khối 12	19	Tiếng Anh																																													
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Khối 12</th> <th>Môn ngoại ngữ 1</th> <th>Môn ngoại ngữ 2</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tên khóa: 12A1</td> <td>Chương trình học (BN1/E)</td> <td>Chương trình học (BN2/E)</td> </tr> <tr> <td>Thứ tự: 19</td> <td>Số môn Ngoại Ngữ 1: BN1/E</td> <td>Số môn Ngoại Ngữ 2: BN2/E</td> </tr> <tr> <td>Số môn học tiên tiến: 0</td> <td>Học ngoại ngữ 1: BN1/E</td> <td>Học ngoại ngữ 2: BN2/E</td> </tr> <tr> <td>Điểm trung bình: 8.8</td> <td>Số môn Ngoại Ngữ 1: BN1/E</td> <td>Số môn Ngoại Ngữ 2: BN2/E</td> </tr> <tr> <td>Phản hồi: Bản Cảnh báo</td> <td>Đánh giá giáo viên so sánh</td> <td>Đánh giá</td> </tr> <tr> <td>Lý thuyết: BN1/E</td> <td>Lý thuyết</td> <td>Lý thuyết</td> </tr> <tr> <td>Lý ứng dụng: BN1/E</td> <td>Lý ứng dụng</td> <td>Lý ứng dụng</td> </tr> <tr> <td>Học sinh học ngoại ngữ: BN1/E</td> <td>Học sinh học ngoại ngữ</td> <td>Học sinh học ngoại ngữ</td> </tr> <tr> <td>Ghi chú: </td> <td>Ghi chú</td> <td>Ghi chú</td> </tr> </tbody> </table>																	Khối 12	Môn ngoại ngữ 1	Môn ngoại ngữ 2	Tên khóa: 12A1	Chương trình học (BN1/E)	Chương trình học (BN2/E)	Thứ tự: 19	Số môn Ngoại Ngữ 1: BN1/E	Số môn Ngoại Ngữ 2: BN2/E	Số môn học tiên tiến: 0	Học ngoại ngữ 1: BN1/E	Học ngoại ngữ 2: BN2/E	Điểm trung bình: 8.8	Số môn Ngoại Ngữ 1: BN1/E	Số môn Ngoại Ngữ 2: BN2/E	Phản hồi: Bản Cảnh báo	Đánh giá giáo viên so sánh	Đánh giá	Lý thuyết: BN1/E	Lý thuyết	Lý thuyết	Lý ứng dụng: BN1/E	Lý ứng dụng	Lý ứng dụng	Học sinh học ngoại ngữ: BN1/E	Học sinh học ngoại ngữ	Học sinh học ngoại ngữ	Ghi chú:	Ghi chú	Ghi chú				
Khối 12	Môn ngoại ngữ 1	Môn ngoại ngữ 2																																																
Tên khóa: 12A1	Chương trình học (BN1/E)	Chương trình học (BN2/E)																																																
Thứ tự: 19	Số môn Ngoại Ngữ 1: BN1/E	Số môn Ngoại Ngữ 2: BN2/E																																																
Số môn học tiên tiến: 0	Học ngoại ngữ 1: BN1/E	Học ngoại ngữ 2: BN2/E																																																
Điểm trung bình: 8.8	Số môn Ngoại Ngữ 1: BN1/E	Số môn Ngoại Ngữ 2: BN2/E																																																
Phản hồi: Bản Cảnh báo	Đánh giá giáo viên so sánh	Đánh giá																																																
Lý thuyết: BN1/E	Lý thuyết	Lý thuyết																																																
Lý ứng dụng: BN1/E	Lý ứng dụng	Lý ứng dụng																																																
Học sinh học ngoại ngữ: BN1/E	Học sinh học ngoại ngữ	Học sinh học ngoại ngữ																																																
Ghi chú:	Ghi chú	Ghi chú																																																

Trường hợp nhà trường chưa cấu hình môn học ngoại ngữ tại mục **Hồ sơ lớp học**, nhà trường thực hiện cập nhật tên Môn ngoại ngữ tại nút **[Cập nhật]** trước tên từng học sinh hoặc cập nhật cho tất cả học sinh từ file excel.

Số	Tên	Mã số sinh viên	Tỉnh	Nơi sinh	Việt Nam	Hán Ngữ	Văn học	Định hướng	Tài liệu	Tiếng Anh	Môn ngoại ngữ	Tín hiệu	Ghi chú	Tổng điểm	Tổng điểm trung bình	Điểm trung bình	Điểm trung bình
1	Cập nhật																
2	Cập nhật																
3	Cập nhật																
4	Cập nhật																
5	Cập nhật																
6	Cập nhật																

Thay đổi mã số sinh viên của em là:

Mã định danh: _____

Họ và tên: _____

Ngày sinh: _____

Giới tính: _____

Tỉnh/TP: _____

Số điện thoại cá nhân: _____

Không rõ tên người nhận học: _____

Người ngữ lớp 10: Tiếng Anh

Người ngữ lớp 11: _____

Người ngữ lớp 12: _____

Nhận phản hồi của người nhận:

Công nghệ lớp 10: Tiếng Pháp

Công nghệ lớp 11: Tiếng Trung

Công nghệ lớp 12: Tiếng Nhật

Công nghệ lớp 10: Tiếng Anh

Công nghệ lớp 11: _____

Công nghệ lớp 12: _____

Công nghệ lớp 10: _____

Công nghệ lớp 11: _____

Công nghệ lớp 12: _____

Chọn lớp mà em sẽ tham gia:

Lớp	Môn học	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
1	Toán	Học kỳ I	Học kỳ II	Chung
2	Ngữ văn	Học kỳ I	Học kỳ II	Chung
3	Viết	Học kỳ I	Học kỳ II	Chung
4	Hóa học	Học kỳ I	Học kỳ II	Chung
5	Sinh học	Học kỳ I	Học kỳ II	Chung
6	Lịch sử	Học kỳ I	Học kỳ II	Chung
7	Địa lí	Học kỳ I	Học kỳ II	Chung
8	Người Việt	Học kỳ I	Học kỳ II	Chung
9	Tin học	Học kỳ I	Học kỳ II	Chung
10	Giao tiếp tiếng Anh và phát triển	Học kỳ I	Học kỳ II	Chung
11	Tiếng Anh (tín hiệu số)	Học kỳ I	Học kỳ II	Chung
12	Công nghệ	Học kỳ I	Học kỳ II	Chung
13	CÔNG NGHỆ	Học kỳ I	Học kỳ II	Chung
14	Môn tự chọn (sóng ngắn)	Học kỳ I	Học kỳ II	Chung
15	Toán số học	Học kỳ I	Học kỳ II	Chung
16	Người Việt 2	Học kỳ I	Học kỳ II	Chung
17	Điện tử - Điện lạnh	Học kỳ I	Học kỳ II	Chung
18	Kết quả học tập	Học kỳ I	Học kỳ II	Chung
19	Kết quả rèn luyện	Học kỳ I	Học kỳ II	Chung

- Đối với cột Phân môn Công nghệ: Nhà trường thực hiện cập nhật phân môn công nghệ tại nút [Cập nhật] trước tên từng học sinh hoặc cập nhật cho tất cả học sinh từ file excel.

Số	Cấp bậc	Họ tên	Mã số sinh viên	Tỉnh	Nơi sinh	Việt Nam	Hán Ngữ	Văn học	Định hướng	Tài liệu	Tiếng Anh	Môn ngoại ngữ	Tín hiệu	Ghi chú	Tổng điểm	Tổng điểm trung bình	Điểm trung bình	Công nghệ	Ghi
1	Cập nhật																		
2	Cập nhật																		
3	Cập nhật																		
4	Cập nhật																		
5	Cập nhật																		
6	Cập nhật																		

CƠ SỞ DỮ LIỆU NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Nhập kết quả học tập cho học sinh chi tiết

STT	Môn học	Lớp 10			Lớp 11			Lớp 12		
		Học kỳ 1	Học kỳ 2	Cả năm	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Cả năm	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Cả năm
1	Tổng									
2	Ngữ văn									
3	Văn									
4	Địa lý									
5	Sinh học									
6	Lịch sử									
7	Khoa học									
8	Người Việt									
9	Địa lí									
10	Giao dục Khoa học và kỹ thuật									
11	Tổng số điểm									
12	Giang dạy									
13	GDQP/HN									
14	Môn bài chọn lọc ngữ									
15	Thi pháp									
16	Người ngữ 2									
17	Điểm trung bình năm									
18	Kết quả học tập									
19	Kết quả评测									

Nhập kết quả học tập các năm học:

Công nghệ lớp 10: Tiếng Anh

Công nghệ lớp 11: Tiếng Anh

Công nghệ lớp 12: Tiếng Anh

Nhập phiếu mava công nghệ các năm học:

Công nghệ lớp 10: Công nghệ công nghiệp

Công nghệ lớp 11: Công nghệ công nghiệp

Công nghệ lớp 12: Công nghệ công nghiệp

- Điểm trung bình năm: Được tính bằng trung bình cộng các môn có điểm tại các năm học lớp 10, 11, 12.

2.3. Xét hoàn thành kết quả học tập, rèn luyện lớp 12

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ nhà trường thực hiện khóa toàn bộ dữ liệu về KQHT toàn khóa của học sinh lớp 12.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại phần mềm [Quản lý giáo dục THPT], kích vào danh mục **4. Học sinh/ 4.3 Nhập kết quả học tập rèn luyện/ 4.3.6 Xét hoàn thành kết quả học tập lớp 12.**

Bước 2: Tích chọn lớp, học kỳ cần khóa và kích [Cập nhật].

A3.3 Nhập kết quả thi/ học/ rèn luyện lớp 12										
STT	Tên lớp	Hoàn thành VN/Lớp 10			Hoàn thành VN/Lớp 11			Hoàn thành VN/Lớp 12		
		Học kỳ 1	Học kỳ 2	Ngày hoàn thành VN/Lớp 10	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Ngày hoàn thành VN/Lớp 11	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Ngày hoàn thành VN/Lớp 12
1	12A0	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
2	12A1	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
3	12A16	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
4	12A11	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
5	12A12	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
6	12A13	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
7	12A14	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
8	12A15	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

2.4. Thông kê tiến độ nhập thông tin cá nhân và kết quả học tập, rèn luyện lớp 12

Mô tả: Với chức năng này, hệ thống hỗ trợ nhà trường thống kê, kiểm tra việc hoàn thành kết quả cập nhật thông tin cá nhân và kết quả học tập lớp 12 của học sinh.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại phần mềm [Quản lý giáo dục THPT], kích vào danh mục **4. Học sinh/ 4.3 Nhập kết quả học tập rèn luyện/4.3.7 Thống kê tiến độ nhập thông tin cá nhân và kết quả học tập lớp 12.**

Bước 2: Nhà trường tham khảo Hướng dẫn/Ghi chú về chỉ tiêu thống kê tiến độ cập nhật thông tin và kết quả học tập. (Hiện tại, đơn vị hoàn thành việc cập nhật thông tin cá nhân và Cập nhật bổ sung điểm 3 khối Giai đoạn 1; Giai đoạn 2 bổ sung khi có kết quả học tập kỳ 2, cả năm lớp 12).

Hướng dẫn/Ghi chú:									
Các chỉ tiêu thống kê cá nhân									
STT	Lớp	Tổng số học sinh	Chênh lệch	Giải đoạn 1		Giải đoạn 2		Chênh lệch	Giải đoạn 3
				Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
1	Tổng khối 12	224	2	70%	0	20%	0	0%	224
2	12A1	47	1	45%	0	55%	0	0%	47
3	12A2	45	0	35%	0	65%	0	0%	45
4	12A3	45	0	35%	0	65%	0	0%	45
5	12A4	44	0	44%	0	55%	0	0%	44
6	12A5	43	1	35%	0	55%	0	0%	43

Với lớp học hiện thị số lượng tại cột chưa hoàn thành, nhà trường kích trực tiếp vào kết quả đó để kiểm tra học sinh còn thiếu kết quả và thực hiện cập nhật.

Hướng dẫn/Ghi chú:									
Các chỉ tiêu thống kê cá nhân									
STT	Lớp	Tổng số học sinh	Chênh lệch	Giải đoạn 1		Giải đoạn 2		Chênh lệch	Giải đoạn 3
				Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
1	Tổng khối 12	224	2	70%	0	20%	0	0%	224
2	12A1	47	1	45%	0	55%	0	0%	47
3	12A2	45	0	35%	0	65%	0	0%	45
4	12A3	45	0	35%	0	65%	0	0%	45
5	12A4	44	0	44%	0	55%	0	0%	44
6	12A5	43	1	35%	0	55%	0	0%	43

CÁC DỮ LIỆU QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ HÀO HỌC														
ĐS: chung_hoan_trinh_ket_qua_nghiep_12KHOI12														
STT	Chuyên	Lớp	Mã chuyên ngành	ĐS	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Đam mê	Tỉnh	Thành	Xã	CMND	Địa chỉ	Lý do nhập
1	Sinh sinh	12A1	12A1	12A1	Nguyễn Văn A	2000-01-01	Đ	Phát triển	Đà Nẵng	Đà Nẵng	Đà Nẵng	123456789012345678	Đã nhập	
2	Cập nhật	12A1	12A1	12A1	Nguyễn Văn A	2000-01-01	Đ	Phát triển	Đà Nẵng	Đà Nẵng	Đà Nẵng	123456789012345678	Đã nhập	
3	Cập nhật	12A1	12A1	12A1	Nguyễn Văn A	2000-01-01	Đ	Phát triển	Đà Nẵng	Đà Nẵng	Đà Nẵng	123456789012345678	Đã nhập	
4	Cập nhật	12A1	12A1	12A1	Nguyễn Văn A	2000-01-01	Đ	Phát triển	Đà Nẵng	Đà Nẵng	Đà Nẵng	123456789012345678	Đã nhập	
5	Cập nhật	12A1	12A1	12A1	Nguyễn Văn A	2000-01-01	Đ	Phát triển	Đà Nẵng	Đà Nẵng	Đà Nẵng	123456789012345678	Đã nhập	

Nhập kết quả học tập của học sinh chi tiết

Mã định danh:	Ngô Văn	Ngày sinh:	1990/01/01	Tên học sinh:	Đỗ Văn Huy	Giới tính:	Nam
Số điện thoại:	0987654321	Địa chỉ:	Thị trấn Phù Mỹ, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Quảng Ngãi	Thành phố:	Quảng Ngãi	Quốc tịch:	Vietnam
Ngôn ngữ lớp 10:	Tiếng Anh	Ngôn ngữ lớp 11:	Tiếng Anh	Ngôn ngữ lớp 12:	Tiếng Anh		
Nhập phiếu mẩn công nghìn các năm học							
Công nghệ lớp 10:	Công nghệ lớp 10						
Công nghệ lớp 11:	Công nghệ lớp 11						
Công nghệ lớp 12:	Công nghệ lớp 12						
Nhập kết quả học tập/điểm trung bình							
STT	Môn học	Học kỳ I	Học kỳ II	Cuối kỳ	Học kỳ I	Học kỳ II	Cuối kỳ
1	Toán	8.5	8.2	8.3	8.2	8.2	8.3
2	Ngữ văn	7.8	7.5	7.5	7.6	7.6	7.6
3	Viết	8.0	8.0	8.3	7.8	7.8	8.0
4	Hóa học	8.0	8.0	8.0	8.1	8.0	8.0
5	Sinh học	7.8	7.8	7.8	8.0	8.0	7.9
6	Lịch sử	7.5	8.0	7.8	8.2	8.6	7.8
7	Địa lí						
8	Ngữ ngoại	8.1	8.1	8.1	8.1	7.7	7.6
9	Tin học	7.0	7.0	7.0	9.1	2.5	8.6
10	Danh mục khái niệm và phát triển						
11	Tiếng dân tộc thiểu số						
12	Công nghệ						
13	GDSP-AH	4.8	8.0	8.0	4.1	8.4	8.3
14	Môn tư chính-nặng Ngữ						
15	Tiếng Anh						
16	Người Mỹ						
17	Điểm trung bình năm		7.8		8.2		8.0
18	Kết quả học tập	Y	Y	Y	Y	Y	Y
19	Kết quả rèn luyện	Y	Y	Y	Y	Y	Y

Thanh toán
Lập báo cáo tổng

III. Thông tin hỗ trợ kỹ thuật

Về kỹ thuật sử dụng phần mềm, đề nghị liên hệ qua Email: csdl@moet.edu.vn (hướng dẫn sử dụng chi tiết trên <http://csdl.moet.gov.vn/>).